

Số: 37/TB-ĐHBL

Cà Mau, ngày 18 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2026

Căn cứ Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Bạc Liêu năm 2026, Trường Đại học Bạc Liêu (mã trường: **DBL**) tổ chức tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2026 cụ thể như sau:

I. PHẠM VI TUYỂN SINH: Tuyển sinh toàn quốc.

II. NGƯỜI DỰ TUYỂN, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

- Người dự tuyển theo quy định nêu trên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Bạc Liêu;

+ Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;

+ Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường Đại học Bạc Liêu.

III. NGUỒN TUYỂN

Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, không tính điểm ưu tiên, điểm cộng; áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026 (không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT, thí sinh xét tuyển thẳng và thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước).

IV. NGÀNH, SỐ LƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Ngành và số lượng tuyển sinh (thí sinh xem trong Phụ lục kèm theo Thông báo này hoặc xem tại đường link <https://tuyensinh.blu.edu.vn/tuyensinh/nganh-to-hop-va-so-luong-tuyen-sinh-11145>).

2. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1 (mã phương thức 100):** Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT. Xét tuyển căn cứ vào tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT tương ứng với tổ hợp xét tuyển. Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

Tổng điểm thi theo tổ hợp = Điểm thi môn 1 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3

Tổng điểm xét tuyển = Tổng điểm thi theo tổ hợp + Điểm ưu tiên (nếu có)

- **Phương thức 2 (mã phương thức 402):** Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển. Xét tuyển căn cứ vào tổng điểm thi ĐGNL (điểm lớn nhất của các đợt thi). Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

Tổng điểm xét tuyển = Tổng điểm thi ĐGNL + Điểm ưu tiên (nếu có)

- **Phương thức 3 (mã phương thức 200):** Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ). Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập (điểm trung bình môn học) 06 học kỳ (học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 10, 11 và 12) của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển tương ứng.

Tổng điểm học bạ theo tổ hợp = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3

Tổng điểm xét tuyển = Tổng điểm học bạ theo tổ hợp + Điểm ưu tiên (nếu có)

- **Phương thức 4 (mã phương thức 405):** Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (chỉ áp dụng đối với chương trình đào tạo tuyển sinh có sử dụng tổ hợp môn xét tuyển có môn thành phần là môn năng khiếu). Xét tuyển căn cứ vào tổng điểm 02 môn thi tốt nghiệp THPT và 01 môn thi năng khiếu tương ứng với tổ hợp xét tuyển.

Tổng điểm thi theo tổ hợp = Điểm thi môn 1 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi NK

Tổng điểm xét tuyển = Tổng điểm thi theo tổ hợp + Điểm ưu tiên (nếu có)

- **Phương thức 5 (mã phương thức 406):** Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (chỉ áp dụng đối với chương trình đào tạo tuyển sinh có sử dụng tổ hợp môn xét tuyển có môn thành phần là môn năng khiếu). Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập (điểm trung bình môn học) 06 học kỳ (học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 10, 11 và 12) của 02 môn theo học bạ THPT và 01 môn thi năng khiếu tương ứng theo tổ hợp xét tuyển.

Tổng điểm học bạ theo tổ hợp = Điểm môn 1 + Điểm môn 2

Tổng điểm xét tuyển = Tổng điểm học bạ theo tổ hợp + Điểm thi Năng khiếu + Điểm ưu tiên (nếu có)

- **Phương thức 6 (mã phương thức 301):** Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Bạc Liêu.

3. Ngưỡng đầu vào

3.1. Phương thức 1 (Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT)

a) *Đối với các chương trình đào tạo đại học (trừ chương trình đào tạo giáo viên):* tốt nghiệp THPT và tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào quy đổi độ lệch điểm giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển theo quy định (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách).

b) *Đối với các chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học:* căn cứ theo ngưỡng đầu vào năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. **Phương thức 2** (Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển (V-ACT))

a) *Đối với các chương trình đào tạo đại học (trừ chương trình đào tạo giáo viên):* tốt nghiệp THPT và tổng điểm bài thi đánh giá năng lực đạt ngưỡng đầu vào quy đổi độ lệch điểm giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển theo quy định (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách).

b) *Đối với các chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học:* tốt nghiệp THPT; kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên; tổng điểm bài thi ĐGNL theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào quy đổi độ lệch điểm giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển theo quy định (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách).

3.3. Phương thức 3 (Xét kết quả học tập cấp THPT)

a) *Đối với các chương trình đào tạo đại học (trừ chương trình đào tạo giáo viên):* tốt nghiệp THPT và tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào quy đổi độ lệch điểm giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển theo quy định (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách).

b) *Đối với các chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học:* tốt nghiệp THPT; kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên; tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào quy đổi độ lệch điểm giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển theo quy định (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách).

3.4. Phương thức 4 (Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển): ngưỡng đầu vào căn cứ theo ngưỡng đầu vào năm 2026 của Bộ GD&ĐT đồng thời thí sinh phải đạt tất cả các điều kiện sau: tốt nghiệp THPT; tổng điểm hai môn thi tốt nghiệp THPT + (Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng)*2/3 (làm tròn đến hàng phần trăm), tối thiểu bằng ngưỡng đầu vào ba môn thi*2/3 (làm tròn đến hàng phần trăm); điểm thi môn năng khiếu phải đạt từ 5,00 điểm (theo thang điểm 10) trở lên.

3.5. Phương thức 5 (Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển): tốt nghiệp THPT; kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,50 trở lên; tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng đầu vào quy đổi độ lệch điểm giữa các phương thức và tổ hợp xét tuyển theo quy định (kể cả điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng chính sách); điểm thi môn năng khiếu phải đạt từ 5,00 điểm (theo thang điểm 10) trở lên.

Lưu ý:

- Đối với ngưỡng đầu vào các chương trình đào tạo giáo viên: Điều kiện ngưỡng tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm (16,50 điểm đối với

ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng) trở lên không tính điểm ưu tiên, điểm cộng; không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT, thí sinh xét tuyển thẳng và thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước.

- Phương thức 4 và 5, thí sinh phải có điểm thi môn Năng khiếu do Trường Đại học Bạc Liêu tổ chức thi.

3.6. Phương thức 6 (Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường)

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng về Trường Đại học Bạc Liêu, đồng thời phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức (Trường Đại học Bạc Liêu dự kiến sẽ công bố trước 17 giờ ngày 02/7/2026).

5. Chính sách ưu tiên khu vực và đối tượng

Thực hiện theo “Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” hiện hành.

V. MỘT SỐ LƯU Ý TRONG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

- Đối với tất cả các ngành, các phương thức xét tuyển, tất cả thí sinh (kể cả thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT, thí sinh xét tuyển thẳng và thí sinh tự do tốt nghiệp THPT trước năm 2026) phải thực hiện đăng ký xét tuyển đợt 1 theo kế hoạch chung toàn quốc trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đường link <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn>.

- Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng. Đối với các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

- Tất cả các nguyện vọng xét tuyển của thí sinh vào cơ sở đào tạo sẽ được xử lý nguyện vọng trên hệ thống và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi bảo đảm các điều kiện trúng tuyển.

- Đối với các phương thức 2, 3, 4, 5 thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo mẫu về Trường Đại học Bạc Liêu, đồng thời đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Riêng phương thức 4 và 5 có môn thành phần của tổ hợp xét tuyển là môn năng khiếu, thí sinh cần phải có điểm thi môn năng khiếu do Trường Đại học Bạc Liêu tổ chức.

VI. ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG XÉT TUYỂN NĂM 2026

1. Thời gian đăng ký xét tuyển

- Phương thức 1 và 4: từ ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026.

- Phương thức 2, 3 và 5: thực hiện theo hai mốc thời gian như sau:

+ Nộp một bộ hồ sơ theo mẫu về Trường Đại học Bạc Liêu: đến ngày 06/7/2026.

+ Đăng ký nguyện vọng trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: từ ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026.

2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phương thức 1: Đăng ký xét tuyển trực tuyến.
- Phương thức 2, 3, 4 và 5, hồ sơ nộp về trường gồm có:
 - + 01 phiếu đăng ký thông tin xét tuyển;
 - + 01 bản phô tô căn cước;
 - + 01 bản phô tô học bạ cấp THPT/ hoặc tương đương (đối với phương thức 3 và phương thức 5);
 - + 01 bản in hoặc phô tô Giấy chứng nhận kết quả thi ĐGNL (đối với phương thức 2);
 - + 01 phiếu đăng ký dự thi môn năng khiếu (đối với phương thức 4 và phương thức 5; Phương thức 4: Đăng ký dự thi môn năng khiếu tại Trường và đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên hệ thống).
- Phương thức 6, hồ sơ nộp về trường gồm có:
 - + 01 phiếu đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;
 - + 01 bản phô tô giấy chứng nhận đạt giải theo quy định;
 - + 01 bản phô tô minh chứng ưu tiên (nếu có);
 - + 01 bản phô tô căn cước.

3. Lệ phí đăng ký xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: 20.000 đồng/01 nguyện vọng xét tuyển. Thí sinh thực hiện nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung.

Mọi chi tiết, thí sinh vui lòng liên hệ tại Phòng liên kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và Tuyển sinh, Trường Đại học Bạc Liêu, số 178, đường Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau (số điện thoại cố định: 02913.821107), hoặc qua các số Hotline:

- Cô Đinh Thị Huyền Cẩm: 0918.954.518
- Cô Nguyễn Thị Huyền Anh: 0834.626.030
- Cô Trần Thị Tường Vi: 0918.023.344

hoặc truy cập vào trang tuyển sinh của Trường Đại học Bạc Liêu theo địa chỉ: <https://tuyensinh.blu.edu.vn> để biết thêm chi tiết./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh Cà Mau (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, P.LKĐT, PTNNL&TS.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn ần

PHỤ LỤC
CÁC NGÀNH VÀ SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 37/TB-ĐHBL ngày 18/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu)

* Mã trường: **DBL**

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh	Phương thức xét tuyển	Thứ tự xét	Tổ hợp môn
1	51140201	Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non	100	Kết hợp KQ thi TNTHPT với điểm thi năng khiếu	1	M00
						Kết hợp KQ HT cấp THPT với điểm thi năng khiếu	2	M00
2	7140202	Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	150	Xét KQ thi TN THPT	1	B03, C01, C02, C03, C04, D01
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	B03, C01, C02, C03, C04, D01
3	7140209	Chương trình đào tạo Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	30	Xét KQ thi TN THPT	1	A00, A01, A02, B00, C01, C02, D01
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A00, A01, A02, B00, C01, C02, D01
4	7140212	Chương trình đào tạo Sư phạm Hóa học	7140212	Sư phạm Hóa học	30	Xét KQ thi TN THPT	1	A00, B00, C02, C08, D07
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A00, B00, C02, C08, D07
5	7140213	Chương trình đào tạo Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	30	Xét KQ thi TN THPT	1	A02, B00, B03, B08, C08
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A02, B00, B03, B08, C08

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh	Phương thức xét tuyển	Thứ tự xét	Tổ hợp môn
6	7340101	Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh Có 2 chuyên ngành: <i>Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch và lễ hành</i>	90	Xét KQ thi TN THPT	1	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X01
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X01
7	7340201	Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	90	Xét KQ thi TN THPT	1	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X01
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X01
8	7340301	Chương trình đào tạo Kế toán	7340301	Kế toán	130	Xét KQ thi TN THPT	1	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X01
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X01
9	7440301	Chương trình đào tạo Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường Có 2 chuyên ngành: <i>Khoa học môi trường và Bảo vệ môi trường thủy sản</i>	25	Xét KQ thi TN THPT	1	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
10	7480201	Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin Có 3 chuyên ngành: <i>Công nghệ thông tin, Công nghệ phần mềm và Công nghệ Web</i>	130	Xét KQ thi TN THPT	1	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X02
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	A00, A01, B03, C01, C02, C03, C04, D01, X02
11	7620105	Chương trình đào tạo Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi Có 2 chuyên ngành: <i>Chăn nuôi và Chăn nuôi thú y</i>	25	Xét KQ thi TN THPT	1	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Số lượng tuyển sinh	Phương thức xét tuyển	Thứ tự xét	Tổ hợp môn
12	7620112	Chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	25	Xét KQ thi TN THPT	1	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
13	7620301	Chương trình đào tạo Nuôi trồng thủy sản	7620301	Nuôi trồng thủy sản Có 2 chuyên ngành: <i>Nuôi trồng thủy sản và Nuôi tôm công nghệ cao</i>	110	Xét KQ thi TN THPT	1	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	B00, B03, B08, C01, C02, C03, C04, D01, X04
14	7220101	Chương trình đào tạo Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam Có 2 chuyên ngành: <i>Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Văn hóa du lịch</i>	80	Xét KQ thi TN THPT	1	B03, C00, C01, C02, C03, C04, D01
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	B03, C00, C01, C02, C03, C04, D01
15	7220201	Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh Có 2 chuyên ngành: <i>Ngôn ngữ Anh và Tiếng Anh du lịch</i>	100	Xét KQ thi TN THPT	1	D01, D11, D12, D13, D14, D15, X78, X79
						Sử dụng KQ thi ĐGNL	2	NL1
						Xét KQ HT cấp THPT	3	D01, D11, D12, D13, D14, D15, X78, X79
Tổng chỉ tiêu					1.145			

Tổ hợp môn: A00: Toán, Vật lý, Hoá học; A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học; B00: Toán, Hoá học, Sinh học; B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn; B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh; C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; C01: Ngữ văn, Toán, Vật lý; C02: Ngữ văn, Toán, Hóa học; C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử; C04: Ngữ văn, Toán, Địa lý; C08: Ngữ văn, Hóa học, Sinh học; D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; D07: Toán, Hóa học, T.Anh; D11: Ngữ văn, Vật lý, T.Anh; D12: Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh; D13: Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh; D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh; X01: Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật; X02: Toán, Ngữ văn, Tin học; X04: Toán, Ngữ văn, CN nông nghiệp; X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh; X79: Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh; M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu GDMN, NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM).